TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 287/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1999, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Ngọc T; bị cáo có vợ tên Lê Thị Kim A và 01 người con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH Một thành viên C; trụ sở tại: Số 96, đường L, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Bà Lý K, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của bị hại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Trương Tú N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 648/6, đường N, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm Văn H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2022, Nguyễn Thành L ký Hợp đồng lao động số 018_2022/HĐ.CTK, thời hạn hợp đồng đến ngày 30/6/2022. Đến ngày 01/7/2022, L tiếp tục ký Hợp đồng lao động số 031_2022/HĐ.CTK, thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2022 cũng với đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C), trụ sở tại số 96, đường L, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà Lý K là chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật với chức danh Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Công ty C có kho hàng tại số 449, đường B, khu phố 5, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy đến ngày 31/12/2022 là hết thời hạn Hợp đồng lao động nhưng do L đã làm việc ổn định được hơn 01 năm nên sau ngày 31/12/2022, L vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty và lĩnh lương cùng các chế độ mà L được hưởng như hợp đồng trước; đồng thời L cũng được bà K tiếp tục giao nhiệm vụ đi giao hàng và thu tiền từ khách hàng và đến cuối mỗi ngày L phải giao lại tất cả số tiền hàng thu được cho kế toán của Công ty C.

Đến khoảng 08 giờ ngày 04/4/2023, L và tài xế của Công ty C là anh Phạm Văn H được phân công đi giao hàng bằng xe ô tô tải, biển số 61C-509.54 đã được chất sẵn hàng để giao cho khách hàng là các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương theo lịch trình do Công ty Csắp xếp. Anh H có nhiệm vụ lái xe và xuất hàng trên xe xuống còn L có nhiệm vụ hỗ trợ anh H khiêng hàng giao cho khách và nhận tiền từ khách hàng, đến cuối ngày sẽ giao lại tất cả số tiền đã thu được cho kế toán (chị Trương Tú N). Đến khoảng 12 giờ 30 cùng ngày 04/4/2023, trong khi L và anh H đang giao hàng trên đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bản thân đang thiếu nợ nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền hàng đã thu được đựng trong giỏ xách mà L đang quản lý là 34.508.000 đồng (ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng). Thực hiện ý định trên, L quan sát thấy anh H đang bận xuất hàng nên L đi ra phía sau xe ô tô tải, biển số 61C-509.54, lấy từ bên trong giỏ xách ra các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng) rồi giấu vào trong túi quần bên phải của L đang mặc; trong giỏ xách còn lại 508.000 đồng. Sau đó, L tiếp tục đi giao hàng với anh H cho đến khoảng 18 giờ cùng ngày 04/4/2023, L cùng anh H quay trở về kho hàng của Công ty C tại địa chỉ số 449, đường B, phường T. Khi đến nơi, Lợi đi vào văn phòng Công ty C và để giỏ xách đựng tiền hàng trên bàn làm việc của kế toán (chị N) rồi xin ra ngoài để ăn uống thì chị N đồng ý. Sau đó, L bỏ đi khỏi Công ty C và tự ý nghỉ việc. Do đợi lâu không thấy L quay lại và gọi điện thoại nhiều lần nhưng không liên lạc được nên chị N nghi ngờ L đã chiếm đoạt tiền hàng, tiến hành kiểm đếm số tiền có trong giỏ xách thì chỉ có 508.000 đồng (năm trăm, lẻ tám nghìn đồng), thiếu 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng). Lúc này, chị N tiếp tục gọi điện thoại thì L nghe máy và thừa nhận với chị N là do đang cần tiền trả nợ và tiêu xài nên đã chiếm đoạt số tiền 34.000.000 đồng của Công ty C và hứa hẹn trong thời gian 01 tuần sẽ hoàn trả lại đủ số tiền này nhưng chị N không đồng ý và yêu cầu L trả lại ngay số tiền này. Đến ngày 08/4/2023 L cũng không hoàn trả lại số tiền trên. Ngày

13/4/2023, bà K đến Công an phường T để nộp đơn tố giác L, cùng ngày Công an phường T chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình kiểm tra và xác minh nguồn tin về tội phạm, vào ngày 28/4/2023, Nguyễn Thành L có bản tự khai thừa nhận vào ngày 04/4/2023, L đã lợi dụng việc được bà Lý K giao cho nhiệm vụ thu tiền từ khách hàng để chiếm đoạt số tiền 34.000.000 đồng của Công ty C như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/5/2023, Nguyễn Thành L đã tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); bà K yêu cầu L tiếp tục bồi thường số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) còn lại nhưng đến nay L chưa bồi thường số tiền này.

Cáo trạng số 15/CT-VKSTDM ngày 22/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thành L về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải bồi thường cho bị hại Công ty C số tiền 24.000.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Không có.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng ý bồi thường cho Công ty C số tiền 24.000.000 đồng; bị cáo không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày

04/4/2023, trong khi đang thực hiện nhiệm vụ nhận tiền thanh toán mua hàng của khách hàng trên đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thành L đã lợi dụng việc được Công ty C giao cho nhiệm vụ thu tiền từ khách hàng và nộp lại cho Công ty nhưng bị cáo không giao nộp lại mà chiếm đoạt số tiền bị cáo đang có trách nhiệm quản lý là 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng) của Công ty C. Nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.000.000 đồng còn lại; bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 260 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội "Tham ô tài sản".

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải bồi thường cho Công ty TNHH Một thành viên C số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sinh